

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

Chương trình Ngữ Văn 7

BÀI 7: QUA ĐÈO NGANG

Phần hướng dẫn - Dưới đây là phiếu hướng dẫn học tập. Phiếu gồm có 2 cột: một, <u>hướng dẫn học tập</u> và hai là <u>phần ghi bài</u> . - Học sinh đọc kỹ và thực hiện theo yêu cầu ở phần Hướng dẫn học tập , sau đó ghi bài vào vở.	
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	GHI BÀI
<i>Đèo Ngang nằm trên quốc lộ 1A, trên dãy Hoành Sơn đoạn dãy Trường Sơn chạy ngang ra biển Đông. Đèo dài 6 km, đỉnh cao khoảng 250 m. Đèo Ngang được nhà nước ta lấy làm ranh giới giữa hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình. Cách đây gần 200 năm, bà Huyện Thanh Quan cũng sáng tác một bài thơ còn lưu truyền đến ngày nay như một bút kí thơ đậm chất trữ tình mang tên “Qua đèo ngang”. Và bài học ngày hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu về chất trữ tình, tâm trạng của tác giả qua bài thơ ấy.</i>	TIẾT 25: QUA ĐÈO NGANG - Bà huyện Thanh Quan -
	I. TÌM HIỂU CHUNG
Em hãy mở SGK trang 102, đọc phần chú thích và trả lời câu hỏi sau: H: Nêu một vài nét chính về tác giả và tác phẩm. + Phương thức biểu đạt (PTBD) + Thể loại + Xuất xứ + Bố cục	1. Tác giả - Bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh. - Quê làng Nghi Tàm (Tây Hồ - Hà Nội). - Là một trong những nữ sĩ tài danh hiếm có. 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: Tác phẩm được viết khi bà đi qua Đèo Ngang vào Huế dạy học. b. Bố cục: Gồm 4 phần: đề - thực - luận - kết c Thể loại và PTBD - Thể loại: Thất ngôn bát cú Đường Luật. - PTBD: Biểu cảm
	II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN
Em hãy mở SGK trang 102, đọc kĩ văn bản. H:+ Cảnh tượng Đèo Ngang được miêu tả vào thời điểm nào trong ngày ? + Nhận xét gì về thời điểm này ? H: “Chen” có nghĩa là gì, việc nhắc lại từ “chen” có tác dụng gì ? H: Em cảm nhận gì về cảnh đèo Ngang và tâm trạng tác giả trong 2 câu đề.	1. Hai câu đề - Thời gian: Bóng xế tà – chiều gần tối – hoàng hôn - Hình ảnh cỏ, cây, đá, lá, hoa -> Phép liệt kê. - Từ “chen” lặp 2 lần. => Hai câu đề tả khái quát cảnh đèo Ngang lúc chiều tà: thiên nhiên đẹp, hoang dã, nguyên sơ, vắng lặng, gợi nỗi buồn hiu quạnh.

Em hãy đọc hai câu thực. H: + Em có nhận xét gì về cấu trúc của 2 câu thơ này? + Câu 3, 4 có sử dụng phép đối, vậy em hãy chỉ ra những biểu hiện của phép đối và tác dụng của nó? Em hãy đọc hai câu luận: H: + Trong buổi chiều tà hoang vắng đó nhà thơ đã nghe thấy âm thanh gì? + Nhà thơ đã mượn tiếng chim để bày tỏ lòng mình, đây là hình thức biểu đạt trực tiếp hay gián tiếp? + Vậy theo em tiếng chim quốc và chim đa đa kêu trên đèo vắng, gợi cảm giác gì? Em hãy đọc hai câu kết: H: + Hình ảnh: trời, non, nước gợi không gian như thế nào ? + Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì, tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?	2. Hai câu thực - Từ láy: “lom khom”, “lác đác” - Từ “vài”, “mấy” : chỉ số lượng không xác định, rất ít ỏi. - Đảo trật tự cú pháp - Phép đối: con người và sự vật. => Càng tô đậm thêm cảnh vật đìu hiu vắng vẻ, con người bé nhỏ và mờ nhạt. 3. Hai câu luận - Chơi chữ (sử dụng từ đồng âm Hán Việt) - Phép đối : Nhớ nước >< Thương nhà Đau lòng >< Mỏi miệng -> Nhớ nước thương nhà tha thiết, hoài niệm về quá khứ vàng son. 4. Hai câu kết “Dừng chân đứng lại trời, non, nước” -> Không gian rộng lớn bao la - “Một mảnh tình riêng ta với ta”. - Nghệ thuật đối lập, tương phản. => Tâm trạng buồn, cô đơn, lẻ loi, trống vắng của bà Huyện Thanh Quan trước thiên nhiên mênh mông, hoang vắng của đèo Ngang.
H: Nhận xét về nghệ thuật và nội dung của bài thơ.	III. TỔNG KẾT: GHI NHỚ SGK/104 1. Nghệ thuật - Sử dụng thể thơ Đường luật thất ngôn bát cú một cách điêu luyện. - Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. 2. Nội dung: - Bài thơ tả cảnh Đèo Ngang vào buổi chiều tà, tĩnh lặng, thê lương - Bộc lộ tâm trạng nhớ nước, thương nhà của tác giả.
1. Các em làm bài tập luyện tập củng cố kiến thức + Bài tập 1/ SGK trang 104 + Học thuộc lòng bài thơ 2. Hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 10 dòng , nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ.	IV. LUYỆN TẬP - Hs hoàn thành bài vào tập.

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

Chương trình Ngữ Văn 7

BÀI 7: BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

Phần hướng dẫn - Dưới đây là phiếu hướng dẫn học tập. Phiếu gồm có 2 cột: một, <u>hướng dẫn học tập</u> và hai là <u>phần ghi bài</u> . - Học sinh đọc kỹ và thực hiện theo yêu cầu ở phần Hướng dẫn học tập , sau đó ghi bài vào vở.	
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	GHI BÀI
<i>Tình bạn là một trong số những đề tài thường thấy trong Văn học Việt Nam (VHVN). “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến là một bài thơ hay thuộc đề tài này, cũng là một bài thơ đặc sắc trong thơ Nguyễn Khuyến nói riêng, thơ nôm của VHVN nói chung.</i>	TIẾT 26: BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ - Nguyễn Khuyến -
	I. TÌM HIỂU CHUNG
Em hãy mở SGK trang 104, đọc phần chú thích và trả lời câu hỏi sau: H: + Em biết gì về tác giả Nguyễn Khuyến? + Nguyễn Khuyến viết bài thơ này trong hoàn cảnh nào? + Thể loại. + Bố cục.	1. Tác giả - Nguyễn Khuyến (1835 - 1909). - Quê Yên Đỗ - Lục Bình, tỉnh Hà Nam. - Là nhà thơ của làng cảnh Việt nam và là nhà thơ lớn của dân tộc. 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác: - Ra đời khi ông cáo quan về ở ẩn ở vườn cũ. b. Thể loại: - Thất ngôn bát cú đường luật. b. Bố cục: Gồm 3 phần
	II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN
Em hãy mở SGK trang 104, đọc kỹ văn bản: Đọc câu thơ 1 và cho biết: H: + Em thấy từ ngữ nào đáng chú ý? + Em hình dung tâm trạng của tác giả khi bạn đến chơi như thế nào? - Đọc 6 câu thơ tiếp và cho biết: H: Trong bài thơ này, hoàn cảnh tiếp bạn của tác giả có gì đặc biệt? H: Qua 6 câu thơ này, em nhận được cảm xúc gì của tác giả trong cách nói trên? Đọc câu thơ cuối và cho biết: H: Theo em trong câu thơ cuối, hình ảnh nào đáng chú ý?	1. Cảm xúc khi bạn đến chơi (Câu 1) - “Đã bấy lâu nay”: vui mừng, mong mỏi, chờ đợi. - “Bác”: thân mật, trân trọng. => Niềm vui khi gặp bạn. 2. Hoàn cảnh trong việc tiếp bạn (6 câu tiếp) - Các thức ăn: cá, gà, cà, mướp ... -> Liệt kê theo giá trị giảm dần, có cũng như không. => Cảnh sống thanh bạch giản dị, giọng điệu hóm hỉnh đùa vui, yêu đời. 3. Cảm xúc về tình bạn (Câu cuối) - “ta với ta”: cụm từ biểu cảm -> Tình bạn bền chặt và sâu sắc - “ta với ta”: tuy 2 mà một

H: Cụm từ “ta với ta” có ý nghĩa như thế nào? “ta” ở đây là ai? H: Từ câu cuối này, em thấy được cảm xúc nào của tác giả?	= > Tình bạn thắm thiết vượt lên trên vật chất tầm thường.
	III. TỔNG KẾT: GHI NHỚ SGK/105
H: Nhận xét của em về nội dung và nghệ thuật?	1. Nghệ thuật - Cách tạo tình huống khéo léo, bất ngờ. - Ngôn ngữ bình dị, gần gũi. 2. Nội dung Tình bạn đậm đà, thắm thiết của tác giả.
	IV. LUYỆN TẬP
1. Học thuộc lòng bài thơ “Bạn đến chơi nhà” 2. Học sinh làm bài tập 1b (SGK trang 106) vào vở.	- Hs hoàn thành bài vào tập.

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
Chương trình Ngữ Văn 7

BÀI 7: CHỮA LỖI VỀ QUAN HỆ TỪ

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	GHI BÀI
- Xem lại bài “Quan hệ từ” trong SGK trang 96. - <i>Các em đã nắm được định nghĩa quan hệ từ, cách sử dụng quan hệ từ như thế nào? Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu tiếp việc sử dụng quan hệ từ như thế nào cho đúng.</i>	TIẾT 27: CHỮA LỖI VỀ QUAN HỆ TỪ
	I. CÁC LỖI THƯỜNG GẶP VỀ QUAN HỆ TỪ
Các em đọc mục 1 SGK trang 106: H: Tìm quan hệ từ còn thiếu và chữa lại cho đúng. H: Các quan hệ từ “và”, “để” trong 2 ví dụ SGK trang 106 diễn đạt đúng quan hệ ý nghĩa giữa các bộ phận trong câu không, nên thay bằng từ nào? H: Vì sao các câu thiếu chủ ngữ, hãy chữa lại cho đúng. H: Các câu in đậm sai ở đâu, hãy chữa lại cho đúng. H: Khi sử dụng quan hệ từ cần tránh những lỗi nào? HS đọc ghi nhớ SGK/107	1. Thiếu quan hệ từ - Đừng nên nhìn hình thức mà (để) đánh giá kẻ khác. - Câu tục ngữ này chỉ đúng đối với xã hội xưa, còn đối với ngày nay thì không đúng. 2. Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa - Nhà em ở xa trường nhưng bao giờ em cũng đến trường đúng giờ. - Chim sâu có ích cho nông dân vì nó diệt sâu phá hoại mùa màng. 3. Thừa quan hệ từ - Thừa quan hệ từ “qua” -> Câu ca dao “công cha như núi Thái Sơn” - Thừa quan hệ từ “về” -> Hình thức có thểgiá trị nội dung” 4. Dùng quan hệ từ không có giá trị liên kết - Không những giỏi về môn toán mà còn giỏi về môn văn. Hoặc: Không những giỏi về môn toán, bạn ấy còn giỏi về môn văn. - Nó thích tâm sự với mẹ nhưng không thích tâm sự với chị. Ghi nhớ: Sgk/107
	II. LUYỆN TẬP

Các em làm bài tập 1, 3, 3, 4 trang 107, 108 vào vở.	- Hs hoàn thành bài vào tập.
--	------------------------------

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

Chương trình Ngữ Văn 7

BÀI 7: CÁCH LẬP Ý CỦA BÀI VĂN BIỂU CẢM

Phân hướng dẫn	
- Dưới đây là phiếu hướng dẫn học tập. Phiếu gồm có 2 cột: một, <u>hướng dẫn học tập</u> và hai là <u>phần ghi bài</u>. - Học sinh đọc kỹ và thực hiện theo yêu cầu ở phần Hướng dẫn học tập, sau đó ghi bài vào vở.	
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	GHI BÀI
	TIẾT 28 : CÁCH LẬP Ý CỦA BÀI VĂN BIỂU CẢM
Em hãy đọc văn bản trang 117: H: Cây tre đã gắn bó với đời sống của người Việt Nam bởi những công dụng của nó như thế nào? H: Tác giả muốn bày tỏ điều gì đối với cây tre? Em hãy đọc văn bản trang 118: H: Từ hình ảnh con gà đất, tác giả phát hiện ra điều gì về đặc điểm của đồ chơi? Đặc điểm ấy đã gây ra cho tác giả những suy nghĩ và liên tưởng gì ? Em hãy đọc văn bản trang 119: H: Đoạn văn gợi những kỉ niệm gì về cô giáo? Việc nhớ lại kỉ niệm có tác dụng gì đối với bài văn biểu cảm ? H: Việc liên tưởng đã giúp tác giả thể hiện tình cảm gì? Em hãy đọc đoạn văn trong SGK trang 120, 121: H: Việc gợi tả ấy nhằm mục đích gì? H: Sự quan sát có tác dụng biểu cảm như thế nào?	I. NHỮNG CÁCH LẬP Ý THƯỜNG GẶP CỦA BÀI VĂN BIỂU CẢM 1. Liên hệ hiện tại và tương lai - Đối tượng: Cây tre Việt Nam. - Nội dung: sự gắn bó của cây tre Việt Nam trên bước đường đi tới tương lai của đất nước. - Tình cảm: yêu quý, trân trọng tự hào, gắn bó với cây tre. 2. Hồi tưởng quá khứ, suy nghĩ đến hiện tại - Đối tượng: con gà đất. - Nội dung: Niềm say mê con gà đất - niềm vui của tuổi thơ. - Cảm xúc yêu quý, trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ. 3. Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn mong ước a. Đoạn trích “Những tâm lòng cao cả” - Đối tượng: cô giáo - Nội dung: Bày tỏ tình cảm yêu mến đối với cô giáo. b. Đoạn trích: Mồm Lũng Cú tột Bắc - Nội dung: Sự liên tưởng từ Lũng Cú - cực Bắc của Tổ quốc tới Cà Mau - cực Nam của Tổ quốc. => Thể hiện tình yêu đất nước một cách sâu sắc và bày tỏ khát vọng thống nhất đất nước. 4. Quan sát, suy ngẫm - Đối tượng biểu cảm: Người mẹ của nhân vật tôi. - Nội dung đoạn văn: Thể hiện tình thương yêu đối với mẹ của nv “tôi”. => Thể hiện tình cảm thương yêu, hối hận vì đã thờ ơ, vô tình. Ghi nhớ (SGK/ Trang 121) - Có 4 cách lập ý. - Tình cảm bộc lộ phải chân thật và sự việc được nêu phải có trong kinh nghiệm -> Người đọc tin và đồng cảm.
	II. LUYỆN TẬP

Các em làm bài tập 2 trong SGK trang 122.	- Hs hoàn thành bài vào tập.
---	------------------------------

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
Chương trình Ngữ Văn 7
BÀI 8: CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TĨNH
(Tĩnh dạ tứ) _ Lí Bạch

Phần hướng dẫn - Dưới đây là phiếu hướng dẫn học tập. Phiếu gồm có 2 cột: một, <u>hướng dẫn học tập</u> và hai là <u>phần ghi bài</u> . - Học sinh đọc kỹ và thực hiện theo yêu cầu ở phần Hướng dẫn học tập , sau đó ghi bài vào vở.	
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	GHI BÀI
	TIẾT 29: CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TĨNH (Tĩnh dạ tứ) - Lí Bạch -
<i>Từ bao đời nay, ánh trăng luôn là chủ đề bất tận của các thi nhân để bày tỏ những nỗi niềm vui buồn, những tháng năm thẳm trầm, nỗi nhớ quê hương và ước nguyện cuộc sống. Đề tài vọng nguyệt hồi hương (ngắm trăng nhớ quê) là một đề tài khá phổ biến trong thơ ca cổ. Với tài năng và cách cảm nhận riêng, Lí Bạch đã thể hiện giản dị, nhẹ nhàng mà sâu lắng, thấm thía những xúc cảm đó trong bài thơ cổ thể “Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh” (Tĩnh dạ tứ).</i>	
	I. TÌM HIỂU CHUNG
Em hãy mở SGK trang 111, 123 đọc phần chú thích: H: Nêu một vài nét chính về tác giả Lí Bạch và tác phẩm “Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh”. + Hoàn cảnh sáng tác + Xuất xứ + Thể thơ + Bố cục	1. Tác giả - Lí Bạch (701- 762), nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc đời Đường. - Được mệnh danh là “tiên thơ”. - Tính tình: phóng khoáng, thích ngao du. - Thơ ông biểu hiện một tâm hồn tự do hào phóng. 2. Tác phẩm - Sáng tác lúc Lí Bạch xa quê, thấy trăng nhớ tới quê nhà. - Bài thơ in trong Thơ Đường - Tập II, xuất bản năm 1987. - Thể thơ: ngũ ngôn tứ tuyệt. - Bố cục: 2-2
	II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN
Em hãy mở SGK trang 123, đọc kỹ bản phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ. H: Cách dùng từ "sàng" (giường) giúp người đọc hình dung như thế nào về tư thế và trạng thái của nhà thơ? H: Chữ nào trong 2 câu thơ đầu diễn tả	1. Hai câu thơ đầu - Tư thế: nằm trên giường. - Trạng thái: không ngủ được. - Nghi thị (ngỡ là): Động từ -> Trạng thái ngỡ ngàng.

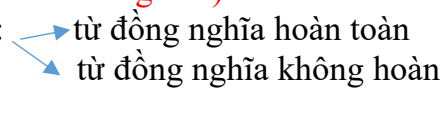
tâm trạng trần trọc, nửa tỉnh, nửa mơ của tác giả? H: "Nghỉ thị" thuộc từ loại gì? Nó có tác dụng biểu đạt trạng thái, tâm lý nào? Ánh trăng ở đây được cảm nhận ra sao? H: Cách cảm nhận trăng ngõ là sương mặt đất gợi cho ta thấy điều gì về tâm hồn tác giả? <i>Ở hai câu thơ đầu không chỉ tả cảnh thuần túy mà còn tả tình. Đêm càng về khuya càng trở nên yên tĩnh, không gian bốn bề vắng lặng, nhà thơ chợt tỉnh giấc thấy mình nằm dưới ánh trăng. Chủ thể ở đây vẫn là con người. Ánh trăng dù đẹp đến đâu vẫn là đối tượng, là cảm nghĩ của chủ thể.</i>	=> Tâm trạng khắc khoải, trần trở, thao thức của kẻ xa quê.
H: 2 câu cuối ý thơ xuất hiện những hành động nào? Chỉ ra ý nghĩa của những hành động ấy? H: Giải thích từ "cố hương". H: Tâm trạng nhớ cố hương được tác giả bộc lộ trực tiếp hay gián tiếp? Từ ngữ nào thể hiện điều đó? H: Bài thơ "Tĩnh dạ tứ" cũng sử dụng phép đối. Hãy tìm phép đối và nêu tác dụng <i>Nếu ở 2 câu trên, nhà thơ tả ngoại cảnh trước, nội tâm sau, thì đến đây, cảnh và tình, cử chỉ và tâm trạng hài hoà đan xen. Trong cái đêm thanh tĩnh ấy, trăng rất sáng, rất đẹp nhưng lòng người không thể vui với trăng đc, mà trái lại, dù ngẩng đầu nhìn trăng hay cúi đầu nhìn đất thì nỗi nhớ quê vẫn khắc khoải trong lòng.</i>	2. Hai câu thơ cuối - Hành động : + Cử đầu -> hướng ngoại -> ngắm trăng. + Đê đầu -> hướng nội -> tâm trạng suy tư trăn nặng, nhớ cố hương. - Phép đối: ngẩng > < cúi - Động từ: “vọng”, “nghi”, “cử”, “đê”, “tư” => Nỗi nhớ, tình yêu quê hương vẫn khắc khoải thiết tha, sâu nặng trong lòng.
	III. TỔNG KẾT: GHI NHỚ SGK/124
H: Em hãy nhận xét về nghệ thuật, nội dung của bài thơ.	1. Nghệ thuật - Hình ảnh gần gũi, tự nhiên. - Từ ngữ giản dị mà tinh luyện. 2. Nội dung Bài thơ thể hiện một cách nhẹ nhàng mà thâm thía nỗi lòng, tình yêu đối với quê hương da diết, sâu nặng của một người xa quê trong đêm trăng thanh tĩnh.
	IV. LUYỆN TẬP
Câu 1: Chủ đề của bài thơ “Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh” là gì? A. Túc cảnh sinh tình (trước cảnh sinh tình) B. Vọng nguyệt hoài hương (ngắm trăng nhớ quê)	Học sinh hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm.

C. Đăng sơn ước hữu (lên núi nhớ bạn) D. Sơn thủy hữu tình (non nước hữu tình) Câu 2: Nội dung nào thể hiện rõ nhất trong bài thơ? A. Bài thơ thể hiện tài năng sáng tác của tác giả. B. Bài thơ là sự hồi tưởng về quê hương. C. Bài thơ tràn ngập ánh trăng, thể hiện sự lãng mạn của tâm hồn nhà thơ. D. Bài thơ thể hiện một cách nhẹ nhàng mà thấm thía tình quê hương của một người sống xa nhà trong đêm thanh tĩnh. Câu 3: Trong bài thơ, chủ thể thực hiện các hành động trong bài không hiện diện trực tiếp (chủ ngữ ẩn). Hiện tượng này tạo hiệu quả nghệ thuật gì? A. Làm nổi bật tâm tư, tình cảm của nhân vật trữ tình. B. Làm tăng giá trị biểu cảm của các câu thơ, hình ảnh thơ. C. Làm các hình ảnh thơ thêm phần lung linh, huyền ảo. D. Làm cho cảm xúc thơ có tính điển hình, tạo sức cộng hưởng với tâm hồn độc giả. Câu 4: .Câu nào dưới đây nhận xét đúng về những từ ngữ thể hiện trong bài thơ? A. Từ ngữ cầu kì, trau chuốt. B. Từ ngữ đơn giản, mộc mạc. C. Từ ngữ giản dị mà tinh luyện. D. Từ ngữ trong sáng và giàu hình ảnh.	
---	--

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

Chương trình Ngữ Văn 7

BÀI 8: TỪ ĐỒNG NGHĨA

Phần hướng dẫn - Dưới đây là phiếu hướng dẫn học tập. Phiếu gồm có 2 cột: một, <u>hướng dẫn học tập</u> và hai là <u>phần ghi bài</u> . - Học sinh đọc kỹ và thực hiện theo yêu cầu ở phần Hướng dẫn học tập , sau đó ghi bài vào vở.	
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	GHI BÀI
	TIẾT 30: TỪ ĐỒNG NGHĨA
H: Dựa vào kiến thức đã học ở bậc Tiểu học, hãy tìm các từ đồng nghĩa với từ: ăn. H: Em có nhận xét gì về nghĩa của các từ đã tìm được so với nghĩa của từ gốc? H: Vậy em hiểu thế nào là từ đồng nghĩa ? H: Từ việc tìm hiểu trên em thấy một từ nhiều nghĩa có hiện tượng gì đặc biệt?	I. THẾ NÀO LÀ TỪ ĐỒNG NGHĨA * Ghi nhớ (SGK trang 114) Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.
Các em hãy đọc kỹ ngữ liệu SGK trang 114. H: + Giải thích nghĩa từ “quả”, “trái”. + Hai từ “quả”, “trái” có thể thay thế cho nhau được không? Vì sao? + Sắc thái ý nghĩa của 2 từ này giống nhau hay khác nhau? H: Từ “bỏ mạng” và “hy sinh” có nghĩa là gì? Có sắc thái ý nghĩa như thế nào? H: Qua phân tích 2 ví dụ trên, hãy cho biết có mấy loại từ đồng nghĩa?	II. CÁC LOẠI TỪ ĐỒNG NGHĨA 1. Phân tích ngữ liệu a. Ví dụ 1 “quả” và “trái”. -> Nghĩa hoàn toàn giống nhau, không phân biệt nhau về sắc thái nghĩa. => Từ đồng nghĩa hoàn toàn. b. Ví dụ 2 - “Bỏ mạng”: coi thường, khinh rẻ. “Hi sinh”: kính trọng. -> Nghĩa giống nhau nhưng sắc thái nghĩa khác nhau => Từ đồng nghĩa không hoàn toàn. 2. Ghi nhớ: (SGK – trang 114) Từ đồng nghĩa:  toàn
H: Thử thay các từ đồng nghĩa “quả” và “trái”, “bỏ mạng”, “hi sinh” trong các ví dụ ở mục II cho nhau và rút ra nhận xét. H: Vì sao “quả” và “trái” lại thay thế được mà “bỏ mạng”, “hi sinh” lại không thay thế được? H: Vậy, khi sử dụng từ đồng nghĩa cần	III. SỬ DỤNG TỪ ĐỒNG NGHĨA 1. Phân tích ngữ liệu - Quả - trái: thay thế được => Sắc thái biểu cảm giống nhau. - Hi sinh - bỏ mạng: không thay thế được => Sắc thái biểu cảm không giống nhau. 2. Ghi nhớ: (SGK – trang 115).

phải lưu ý gì?	Cần cân nhắc để chọn những từ thể hiện đúng thực tế khách quan và sắc thái biểu cảm
Học sinh hoàn thành bài tập phần Luyện tập trang 115, 116, 117.	IV. LUYỆN TẬP Học sinh hoàn thành bài vào tập.

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
Chương trình Ngữ Văn 7
BÀI 8: LUYỆN TẬP CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM

Phần hướng dẫn - Dưới đây là phiếu hướng dẫn học tập. Phiếu gồm có 2 cột: một, <u>hướng dẫn học tập</u> và hai là <u>phần ghi bài</u> . - Học sinh đọc kỹ và thực hiện theo yêu cầu ở phần Hướng dẫn học tập , sau đó ghi bài vào vở.	
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	GHI BÀI
	TIẾT 31: LUYỆN TẬP CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM
Hs đọc kĩ đề bài, tìm hiểu yêu cầu của đề. H: Đối tượng tình cảm cần hướng tới là gì? H: Em hiểu gì về yêu cầu của đề qua các từ ngữ mà đề nêu ra? H: Em yêu loài cây gì? Vì sao em yêu loài cây đó? Vd: Cây tre H: Nêu những phẩm chất, biểu hiện cụ thể của cây tre về: đặc điểm, cấu tạo, hình dáng, màu sắc, hoàn cảnh sống, sự gắn bó, những phẩm chất tốt đẹp của loài cây. H: Mở bài cần đạt những yêu cầu gì? H: Thân bài cần nêu những ý gì? Có cần miêu tả những đặc điểm của cây không? Vì sao? Miêu tả những nét nào? H: Cây gắn bó như thế nào với con người? Phẩm chất nổi bật của cây?	ĐỀ BÀI: Loài cây em yêu 1. Tìm hiểu đề và tìm ý a. Tìm hiểu đề - Thể loại: văn biểu cảm. - Nội dung: thái độ, tình cảm với một loài cây cụ thể mà em yêu mến. b. Tìm ý (cây tre) - Đặc điểm: màu xanh, nhiều đốt, lá nhỏ, vươn cao. - Hoàn cảnh sống: dù ở đâu, loại đất gì vẫn xanh tốt. - Gắn bó lâu đời với người dân Việt Nam (đời sống, lao động, chiến đấu). - Phẩm chất: cần cù, siêng năng, bền bỉ, kiên cường, bất khuất. - Ý nghĩa: biểu tượng cho làng quê Việt Nam. 2. Lập dàn bài a. Mở bài - Giới thiệu chung về loài cây em yêu (cây tre). - Lí do yêu thích: gắn bó với tuổi thơ (gắn bó từ lâu đời); tượng trưng cho phẩm chất con người Việt Nam. b. Thân bài - Miêu tả hình ảnh cây tre: thân, lá ... (hình ảnh cây tre, màu xanh của tre trên khắp đất nước, làng quê Việt Nam). - Vai trò, tác dụng của tre: Gắn bó từ bao đời với người dân Việt Nam. + Trong cuộc sống hàng ngày: tre như người bạn tri âm, tri kỉ. Tre dùng làm đũa, sáo, chiếu, ghế, bàn... + Trong lao động ... + Trong chiến đấu: là vũ khí chống lại quân thù. - Những phẩm chất cao đẹp, đáng quý của tre: cần cù,

H: So với những loài cây khác, tình cảm, thái độ của em ra sao? Nó có ý nghĩa, giá trị gì với em, cuộc sống? H: Phân kết bài cần nêu những nội dung gì? Yêu cầu cảm xúc cần đạt? Các em đọc văn bản mẫu “Cây sấu Hà Nội” và học tập cách viết. * Viết đoạn mở bài: + Trực tiếp: đi thẳng vào vấn đề (giới thiệu tên loài cây, lí do chọn). Ví dụ: Trên đất nước Việt Nam có rất nhiều loài cây sinh sống nhưng em yêu mến, tự hào và gắn bó nhất với cây tre. Tuy nhỏ bé nhưng cây tre có những phẩm chất tốt đẹp. + Gián tiếp: Chọn một vấn đề chung làm nền tảng -> đưa loài cây tiêu biểu, khái quát cảm xúc. + Gián tiếp: “Tre xanh, xanh tự bao giờ...” Nhà thơ Nguyễn Duy đã có những vần thơ rất hay viết về cây tre Việt Nam – một loài cây quen thuộc ở làng quê Việt Nam và đó cũng là loài cây mà em yêu quý nhất. * Viết đoạn kết bài: Khẳng định vị trí, ý nghĩa của loài cây, cảm xúc của người viết.	siêng năng, bền bỉ, kiên cường, bất khuất,... - Thái độ, tình cảm của người viết: ngợi ca, tự hào, trân trọng, biểu dương,... c. Kết bài: Khẳng định vị trí, ý nghĩa của tre và cảm xúc của người viết. 3. Viết đoạn văn 4. Sửa lỗi LUYỆN TẬP
Các em hãy viết đoạn mở bài và kết bài của đề: Loài cây em yêu.	Học sinh hoàn thành bài tập vào vở.